TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/DS-PT
Ngày: 26/02/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Ngoan;

Ông Phan Văn Huyện.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2019/TLPT-DS ngày 08-01-2019 về tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06-11-2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐ-PT ngày 21/01/2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Minh T: Luật sư Nguyễn Trung N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang; (có mặt);

-*Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn - Chị Lê Thị Thu Tr trình bày:* Vào ngày 12/01/2017 do quen biết với anh Nguyễn Minh T trong việc làm ăn nên anh T có đề nghị chị cho anh T vay số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh Thanh Long và chị đã đồng ý. Chị giao tiền trực tiếp cho anh T và anh T có ký tên vào giấy nhận tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất của ngân hàng, thời hạn vay 06 tháng, khi không còn kinh doanh Thanh Long nữa thì phải trả tiền cho chị cả vốn lẫn lãi. Tuy nhiên, từ ngày vay tiền của chị, anh T không còn kinh doanh Thanh Long và cũng không nghe điện thoại của chị nữa. Chị đã nhiều lần tìm anh T để đòi tiền nhưng anh T cố tình tránh né.

Nay chị yêu cầu Tòa án buộc anh T phải trả cho chị số tiền vốn 100.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 12/01/2017 cho đến ngày xét xử với lãi suất 01%/tháng. Tạm tính lãi suất đến ngày nộp đơn kiện là 16 tháng, thành tiền lãi là 16.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày:* Năm 2016 anh có đến huyện Châu Thành, tỉnh Long An mua bán Thanh Long, trong thời gian mua bán Thanh Long anh có quen biết với chị Lê Thị Thu Tr. Anh T cho rằng không có vay tiền của chị Tr, còn biên nhận viết tay do chị Tr cung cấp thì anh thừa nhận do anh ký tên nhưng anh không có viết nội dung phía trên, lý do có chữ ký của anh là do lúc còn đi làm chung, mua bán Thanh Long thì anh có tập ký tên vào những cuốn sổ tay nên chị Tr lấy những cuốn sổ có chữ ký của anh rồi ghi thêm nội dung vào. Vì vậy, anh không đồng ý với yêu cầu của chị Tr vì anh không có vay, mượn tiền gì của chị Tr.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thu Tr.

Buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu Tr số tiền vốn và lãi, tổng cộng là 122.000.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu đồng), trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 07/11/2018, bị đơn Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận cho rằng biên nhận nợ ngày 12/01/207 do chị Tr cung cấp có hai chữ ký, hai chữ viết họ tên "Nguyễn Minh T" và có chữ viết đè lên nhau, nội dung không rõ ràng nên không đủ căn cứ để xác định anh T có vay của chị Tr 100.000.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc buộc anh phải trả cho chị Lê Thị Thu Tr số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 122.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T trình bày căn cứ kháng cáo cho rằng giữa anh và chị Tr có quan hệ mua bán và quan hệ tình cảm với nhau nên có thuê nhà sống chung. Trong thời gian chung sống, chị Tr có đưa cho anh một quyển sổ để anh tập ký tên, sau đó chị Tr ghi thêm nội dung vay mượn tiền vào quyển sổ có chữ ký của anh, vì vậy biên nhận ngày 12/01/2017 trong quyển sổ do chị Tr cung cấp có đến hai chữ ký và hai chữ viết "Nguyễn Minh T" và có dòng chữ bị chị Tr viết đè lên nhau. Anh T thừa nhận hai chữ ký và hai chữ viết "Nguyễn Minh T" trong biên nhận này là do chính tay anh viết và ký tên.

Về phía chị Tr không thừa nhận lời trình bày của anh T. Chị Tr cho rằng giữa chị và anh T không hề có quan hệ tình cảm mà chỉ có quan hệ mua bán Thanh Long với nhau. Khoảng cuối năm 2016, anh T hỏi vay của chị 100.000.000 đồng để kinh doanh và được chị đồng ý. Hai bên thỏa thuận lãi suất được tính theo lãi suất ngân hàng vì số tiền này chị vay của Ngân hàng (thông qua tổ vay vốn ở địa phương) để đưa cho anh T. Chị giao tiền trực tiếp cho anh T nhưng không buộc anh T viết biên nhận vì anh T hứa sẽ trả ngay khi kết thúc chuyến hàng. Thế nhưng, sau 03 chuyến hàng anh T vẫn không trả tiền cho chị, nhiều lần chị yêu cầu anh T viết biên nhận nhưng anh T không viết. Do anh T không chịu viết biên nhận và cố tình tránh mặt chị, nên vào ngày 12/01/2017, chị tự viết biên nhận và yêu cầu anh T phải xác nhận số nợ trên. Anh T xem lại nội dung biên nhận và đồng ý ký tên, viết họ tên của anh T vào biên nhận này. Thông thường anh T sử dụng tay phải để viết và ký tên, nhưng ngày 12/01/2017 anh T lại sử dụng tay trái để ký và viết họ tên vào biên nhận này, chị thấy không bình thường nên yêu cầu anh T phải ký và viết bằng tay phải, anh T đồng ý. Do đó, trong biên nhận ngày 12/01/2017 có đến hai chữ ký và hai chữ viết họ và tên của anh T.

Việc anh T và luật sư cho rằng biên nhận có sự tẩy xóa không rõ ràng là do chị mới học hết lớp 2 nên viết sai chính tả, anh T bắt chị phải viết lại nên chị viết đè lên chữ viết sai, tuy nhiên phần chữ viết đè lên không ảnh hưởng đến nội dung của biên nhận. Do đó, chị yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 12/01/2017 do chị Tr cung cấp có chữ ký và chữ viết họ và tên của anh T đã được anh T thừa nhận tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định anh T có vay của chị Tr 100.000.000 đồng để mua bán Thanh Long, hai bên thỏa thuận nếu anh T còn làm thì để làm, không làm thì phải trả vốn và lãi cho chị Tr, thời hạn trả là cuối năm 2017, nhưng sau khi hết thời hạn thỏa thuận anh T vẫn không trả vốn và lãi, do đó chị Tr khởi kiện đòi số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ.

Việc anh T và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của anh T cho rằng biên nhận ngày 12/01/2017 có hai chữ ký của anh T và có đoạn bị viết đè lên nhau để chứng minh cho việc anh T không có vay tiền của chị Tr là chưa đủ thuyết phục, bởi lẽ mặc dù trong biên nhận này có đoạn chữ viết đậm hơn và đè lên nhau nhưng vẫn rõ nội dung, thể hiện việc chị Tr có cho anh T mượn số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh Thanh Long, hai bên thỏa thuận nếu anh T không tiếp tục kinh doanh nữa thì phải trả số tiền trên cho chị Tr cộng với tiền lãi ngân hàng như lời trình bày của chị Tr là có cơ sở. Căn cứ vào biên nhận nợ này, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T phải trả cho chị Tr số tiền gốc 100.000.000 đồng cộng tiền lãi

22.000.000 đồng (tính từ ngày 12/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng) là hoàn toàn phù hợp. Anh T kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T là không có căn cứ, không phù hợp với những nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

* Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn,giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

1/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 150/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu Tr.

Buộc anh Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu Tr số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 122.000.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2/Về án phí: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 6.100.000 đồng (sáu triệu, một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 42768 ngày 07/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 6.100.000 đồng (sáu triệu, một trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho chị Lê Thị Thu Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai số 42563 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

3/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 02 năm 2019, có mặt chị Tr, vắng anh T.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- CC THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thu Thủy